

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 108/2023/DS-ST

Ngày 11 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui và
bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm
phạm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Đình H, sinh năm 1967; cư trú tại số nhà G, đường G, tổ D, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; cư trú tại tổ H, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Đình H trình bày:

Ông tham gia hội do bà T làm chủ hội, hội 3.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 30/10/2021, hội gồm 16 phần, ông tham gia chơi 01 phần, ông đóng hội cho bà T từ ngày 30/10/2021 đến 30/11/2022 được 14 tháng thì bà T không gom hội nữa. Đến ngày 18/02/2023, tại nhà cha mẹ bà T, bà T tính 14 tháng tiền hội ông đóng và trừ 1.200.000 đồng tiền cò, bà T viết giấy đăng cho ông số tiền hội là 40.800.000 đồng. Bà T cam kết từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023, bà T sẽ đăng hội cho ông, nếu không đăng thì bà T chịu tiền lãi là 672.000 đồng (1,6%/tháng). Đến ngày 19/5/2023, ông đòi thì bà T nói không biết ngày trả tiền cho ông nên ông mới khởi kiện bà T tại Tòa.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông: Tiền bà T phải đăng hội cho ông là 40.800.000 đồng; tiền lãi bà T chậm đăng tiền hội là 672.000 đồng/tháng (1,6%/tháng) từ ngày 18/02/2023 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật; số tiền 6.000.000 đồng bao gồm chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công ông đi lên tòa, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án; bà T tiếp tục chịu lãi suất 20%/năm/tổng số tiền bị đơn chậm thi hành án tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có yêu cầu thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Ông H tham gia hội do bà làm chủ hội, hội 3.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 30/10/2021, hội gồm 16 phần, ông H tham gia chơi 01 phần, ông H đóng hội cho bà từ ngày 30/10/2021 đến 30/11/2022 được 14 tháng thì hội bẻ không ai đóng hội cho bà. Hội mãn ngày 30/01/2023. Ngày 18/02/2023, bà và ông H có gặp nhau để tính toán tiền hội, ông H tính 14 tháng tiền hội đóng và bà trừ 1.200.000 đồng tiền cò, bà tự viết giấy đăng cho ông H số tiền hội là 40.800.000 đồng. Bà cam kết từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023, bà sẽ đăng hội cho ông H, nếu trong thời hạn này không đăng thì bà phải chịu tiền lãi là 672.000 đồng (1,6%/tháng). Tuy nhiên, do không bán được nhà nên không có tiền trả cho ông H.

Bà đồng ý trả cho ông H số tiền hội là 40.800.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,6%/tháng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà không đồng ý trả tiền lãi từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023 (672.000 đồng/tháng), không đồng ý yêu cầu của ông H về việc trả số tiền 6.000.000 đồng bao gồm chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công

ông H đi lên toà, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà T, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 40.800.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 19/5/2023 đến ngày 11/9/2023 theo mức lãi suất 1,6%/tháng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà T về việc yêu cầu bà T có trách nhiệm trả tiền lãi ba tháng là 2.016.000 đồng tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023 (mỗi tháng 672.000 đồng) và yêu cầu bà T có trách nhiệm trả chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công ông H đi lên toà, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án số tiền là 6.000.000 (sáu triệu) đồng; về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền hui là 40.800.000 đồng; tiền lãi bà T chậm đăng tiền hui là 672.000 đồng/tháng (1,6%/tháng) từ ngày 18/02/2023 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật; số tiền 6.000.000 đồng bao gồm chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công ông H đi lên toà, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án; bà T tiếp tục chịu lãi suất 20%/năm/tổng số tiền bị đơn chậm thi hành án tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có yêu cầu thi hành án. Do đó, xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng góp hui và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ hui: Căn cứ vào một giấy tính tiền hui và Danh sách hui khai ngày 30/10/2021 DL, trong đó mặt trước là danh sách hui tháng 3.000.000 đ khai ngày 30/10/2021 DL do Nguyễn Thị Ngọc T ký tên, mặt sau có ghi chữ hui khai ngày 30/10/2022 DL do Nguyễn Thị Ngọc

T ký tên (bút lục 22) và lời trình bày của ông H, bà T thấy rằng: ông H có chơi hụi do bà T làm chủ hụi, ông H đã đóng 14 kỳ, sau đó không ai đóng hụi cho bà T nên ngưng hụi, đến ngày 18/02/2023, bà T làm giấy xác nhận nợ, nội dung là bà T phải đăng đủ số tiền hụi là 40.800.000 đồng cho ông H trong thời gian từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023, nếu hết thời hạn này không đăng thì chịu tiền lãi một tháng là 672.000 đồng (tương đương 1,6%/tháng). Đến hạn, bà T không trả tiền hụi cho ông H là vi phạm nghĩa vụ và phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,6%/tháng, phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biêu, phường. Do đó, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biêu, phường, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 40.800.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc 40.800.000 đồng tính từ ngày 19/5/2023 đến ngày 11/9/2023 theo mức lãi suất 1,6%/tháng = $40.800.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 3 \text{ tháng} = 2.458.880 \text{ đồng}$, tổng cộng bà T phải trả cho ông H số tiền là 43.258.880 (bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn tám trăm tám mươi) đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà T về việc yêu cầu bà T có trách nhiệm trả tiền lãi từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023, mỗi tháng 672.000 đồng = $672.000 \text{ đồng} \times 3 = 2.016.000$ (hai triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả số tiền 6.000.000 đồng bao gồm chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công ông H đi lên toà, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án: bà T vi phạm nghĩa vụ phải chịu tiền lãi chậm thanh toán, phải chịu án phí dân sự khi yêu cầu của ông H được chấp nhận, phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, việc vi phạm của bà T không là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại phải tư vấn luật sư, và cũng chưa xảy ra việc thi hành án nên căn cứ các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, các chi phí ông H yêu cầu không có căn cứ và không hợp lý nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà T có trách nhiệm trả chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công ông H đi lên toà, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án số tiền là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

[4] Về yêu cầu trả dần của bị đơn: Bà T yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu trả dần của bà T không được ông H chấp nhận và không phù hợp Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-

CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả dân của bà T.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã được giải thích nguyên đơn là người có công với cách mạng, phải làm đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí mới được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng nguyên đơn không đồng ý làm đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là $(2.016.000 \text{ đồng} + 6.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 400.800$ (bốn trăm nghìn tám trăm) đồng, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $43.258.880 \times 5\% = 2.162.944$ (hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 466, 471, 584, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình H đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Hà Đình H số tiền là 43.258.880 (bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn tám trăm tám mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 40.800.000 đồng, tiền lãi là 2.458.880 đồng tính từ ngày 19/5/2023 đến ngày 11/9/2023 theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Đình H đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả tiền lãi ba tháng là 2.016.000 (hai triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/5/2023 (mỗi tháng 672.000 đồng) và yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả chi phí tư vấn luật sư, chi phí ngày công ông Hà Đình H đi lên toà, chi phí phô-tô tài liệu, chi phí thi hành án số tiền là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.162.944 (hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

Ông Hà Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.800 (bốn trăm nghìn tám trăm) đồng. Ông Hà Đình H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng